

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VIỆT CƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP VIỆT CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET POWER SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110850151

3. Ngày thành lập: 30/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số OV4.01, khu chức năng đô thị Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 7302 0995

Fax:

Email: qlda.vietpower@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán thiết bị điện tử, viễn thông, phụ kiện, máy in, máy fax, hệ thống máy tính. Mua bán tổng đài điện thoại, thiết bị chống sét	4652
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Bán buôn máy vi tính	4651
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: bảo trì, bảo dưỡng: thiết bị điện, điện tử, viễn thông, phụ kiện máy tính, máy in, máy fax, hệ thống máy tính	3312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Trừ Dịch vụ lấy lại tài sản; Máy thu tiền xu đỗ xe; Hoạt động đấu giá độc lập; Quản lý và bảo vệ trật tự tại các chợ	8299
5.	Xuất bản phần mềm chi tiết: xuất bản phần mềm Trừ xuất bản phẩm	5820
6.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (không hoạt động tại trụ sở)	2732(Chính)
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
8.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất lắp ráp dây cáp điện, dây cáp thông tin, hộp, tủ cáp, tủ bảng điện (không gia công cơ khí xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở) (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b; vật liệu xây dựng; hóa chất tại trụ sở)	3290

9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: mua bán dây cáp điện, dây cáp thông tin, hộp, tủ cáp, tủ bảng điện (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	4669
10.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học (không hoạt động tại trụ sở)	2731
11.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
12.	Trồng cây chè	0127
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
15.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
16.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014);	6810
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh.	8230
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	4663
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
23.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220
24.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
25.	Đúc sắt, thép	2431
26.	Đúc kim loại màu	2432
27.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
28.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

29.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
33.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở)	2394
34.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
35.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
36.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
37.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
38.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
42.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
43.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
44.	Thu gom rác thải độc hại	3812
45.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
46.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
47.	Tái chế phế liệu	3830
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng Trừ dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ mìn) tại mặt bằng xây dựng	4312

61.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Dây dẫn điện và thiết bị điện; Đường dây thông tin liên lạc; Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả quang học; Đèn vệ tinh; Hệ thống chiếu sáng; Chuông báo cháy; Hệ thống báo động chống trộm; Tín hiệu điện và đèn trên đường phố	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống (Trừ động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ)	4620
67.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa, cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh	4659
70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
71.	Bán buôn tổng hợp (Trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4690

72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không hoạt động tại trụ sở)	4752
73.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
74.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
75.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh; bán lẻ hoa, cảnh lá trang trí nhân tạo; Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh; Bán lẻ cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh, thức ăn và đồ dùng cho vật nuôi cảnh.	4773
76.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
77.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
78.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
79.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
82.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng ô tô	4932
83.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
84.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
85.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ; Giao nhận hàng hóa; Thu phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động quản lý, làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
89.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
91.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

92.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; (Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản) theo điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2014;	6820
93.	Hoạt động tư vấn quản lý Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật	7020
94.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
95.	Quảng cáo Trừ quảng cáo thuốc lá (không dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở)	7310
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
97.	Cho thuê xe có động cơ	7710
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
99.	Cung ứng lao động tạm thời (trừ cho thuê lại lao động)	7820
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	"Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện"	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ BẢO NGỌC CHÂU	Áp An Chu, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	0011970339 23	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ ĐÀI TRANG	483 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0791850158 63	
			Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

3	ĐẶNG THỊ ÚT NGOC	Số 9 Thái Phiên, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0011820198 39
			Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000	
4	NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN	Tổ dân phố số 5 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0011840150 87
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ BẢO NGỌC CHÂU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/08/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001197033923

Ngày cấp: 27/12/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp An Chu, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp An Chu, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội